

THẬP NHỊ XÚ' DVĀDASĀYATANĀ

I. Định nghĩa:

Thuật ngữ Pāli Āyatana, dịch là xứ hay nhập. Xứ là nơi chốn, căn cứ hay cơ sở làm duyên cho tâm và sở hữu tâm sanh khởi. Nhập nghĩa là cửa ngõ, chỗ gặp gỡ và nơi tâm tiếp xúc đối tượng, làm cơ sở cho sự nhận biết. Như vậy, Āyatana (xứ) nghĩa là nơi nương trú, nơi hội tụ gặp gỡ, và là cơ sở làm duyên cho thức và sở hữu tâm sanh khởi.

Trong Thanh Tịnh Đạo, chương XV, Ngài Buddhaghosa giải thích Āyatana (Xứ) có 5 ý nghĩa là: chỗ trú (nivāsattḥāna), chỗ chứa (ākara), chỗ gặp gỡ (samosaraṇa), nơi sinh khởi (sañjātidesa), và nguyên nhân (kāraṇa).

- Chỗ trú, trú xứ (nivāsattḥāna): là nơi nương trú của tâm và sở hữu tâm tương ứng. Như nhãn căn là trú xứ của nhãn thức và sở hữu tâm...
- Chỗ chứa (ākara): là nơi chứa đựng, nơi tập hợp và duy trì các pháp tương ứng. Nhờ có Căn làm cơ sở và Cảnh làm đối tượng, các tâm và sở hữu tâm tương ứng sanh khởi.
- Chỗ gặp gỡ (samosaraṇa): là nơi hội tụ của Căn - Cảnh và Thức, làm duyên cho Xúc sanh khởi.
- Nơi sinh khởi (sañjātidesa): là cơ sở làm sanh khởi các pháp tương ứng. Các căn và Cảnh làm cơ sở để các Thức tương ứng sanh khởi.
- Nguyên nhân (kāraṇa): là nhân tố làm duyên cho pháp tương ứng sanh khởi và dẫn chúng sanh tiếp tục trôi lăn trong luân hồi.

Do vậy, Thập Nhị Xứ (dvādasāyatana) là chỗ trú, chỗ chứa, chỗ gặp gỡ, nơi sanh khởi và nhân tố làm duyên cho các pháp tương ứng sinh khởi.

Thập nhị xứ có 12 chi là:

1. Nhãn xứ (Cakkhāyatana)
2. Nhĩ xứ (Sotāyatana)
3. Tỷ xứ (Ghāṇāyatana)
4. Thiệt xứ (Jivhāyatana)
5. Thân xứ (Kāyāyatana)

6. Ý xú (Manāyatana)
7. Sắc xú (Rūpāyatana)
8. Thinh xú (Saddāyatana)
9. Khí xú (Gandhāyatana)
10. Vị xú (Rasāyatana)
11. Xúc xú (Phoṭṭhabbāyatana)
12. Pháp xú (Dhammāyatana)

II. Nội Dung:

Thập nhị xú được chia thành hai nhóm: Sáu nội xú (Ajḡhattāyatana) và Sáu ngoại xú (Bāhirāyatana).

a) Sáu nội xú (Ajḡhattikāyatana): là sáu căn hay sáu giác quan bên trong.

1. Nhãn xú (Cakkhāyatana): là sắc thần kinh nhãn.
2. Nhĩ xú (Sotāyatana): là sắc thần kinh nhĩ.
3. Tỷ xú (Ghāṇāyatana): là sắc thần kinh tỷ.
4. Thiệt xú (Jivhāyatana): là sắc thần kinh thiệt.
5. Thân xú (Kāyāyatana): là sắc thần kinh thân.
6. Ý xú (Manāyatana): là 89 hay 121 tâm.

Đức Phật dạy sáu nội xú này là Khổ đế:

“Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về Khổ? Cần phải trả lời là sáu nội xú. Thế nào là sáu? Nhãn xú, nhĩ xú, tỷ xú, thiệt xú, thân xú, ý xú. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đế về Khổ.” (SN 56.14: Ajḡhattikāyatanasutta)

b) Sáu ngoại xú (Bāhirāyatana): là sáu cảnh hay sáu đối tượng của sáu căn.

1. Sắc xú (Rūpāyatana): là cảnh sắc
2. Thinh xú (Saddāyatana): là cảnh thinh
3. Khí xú (Gandhāyatana): là cảnh khí.
4. Vị xú (Rasāyatana): là cảnh vị.
5. Xúc xú (Phoṭṭhabbāyatana): là cảnh xúc (đất, lửa, gió).
6. Pháp xú (Dhammāyatana): là cảnh pháp, tức là 52 sở hữu tâm, 16 sắc tế và Niết bàn.

B. Sự Đối chiếu giữa 12 xứ:

Mười hai xứ được chia ra 6 nội xứ và 6 ngoại xứ. Sáu nội xứ và sáu ngoại xứ đối chiếu với nhau:

1. Nhãn xứ đối chiếu với Sắc xứ.
2. Nhĩ xứ đối chiếu với Thính xứ.
3. Tỷ xứ đối chiếu với Khí xứ.
4. Thiệt xứ đối chiếu với Vị xứ.
5. Thân xứ đối chiếu với Xúc xứ.
6. Ý xứ đối chiếu với Pháp xứ.

Chú thích:

Ở đây, “đối chiếu” nghĩa là xét sự tương ứng giữa nội xứ và ngoại xứ trong Thập Nhị Xứ. Ý xứ (manāyatana) là tất cả tâm (citta), thuộc nội xứ; Pháp xứ (dhammāyatana) thuộc ngoại xứ. Tuy nhiên, tâm thuộc Ý xứ có thể nhận biết ngũ cảnh hoặc cảnh pháp, tùy loại tâm và tiến trình nhận thức.

C. Điểm Hội Tụ của các Xứ:

Do Căn và Cảnh làm duyên, Thức sanh khởi. Sự gặp gỡ, hội tụ của Căn - Cảnh và Thức gọi là Xúc (phassa).

Có 6 loại xúc:

1. Nhãn xúc (cakkhusamphassa)
2. Nhĩ xúc (sotasamphassa)
3. Tỷ xúc (ghānasamphassa)
4. Thiệt xúc (jivhāsamphassa)
5. Thân xúc (kāyasamphassa)
6. Ý xúc (manosamphassa).

Căn + Cảnh + Thức => Xúc (phassa) => Thọ (vedanā). Do Xúc làm duyên nên Thọ sinh khởi.

D. Sự Phát Sanh Khổ uẩn:

Khi Căn - Cảnh và Thức hội tụ thì Xúc phát sinh. Do Xúc làm duyên, Thọ sanh khởi; do Thọ làm duyên, Ái sanh khởi; do Ái làm duyên, Thủ sanh khởi; do Thủ làm duyên, Hữu sanh khởi và tiếp tục làm phát sanh toàn bộ khổ uẩn.

Đức Phật dạy:

“Do duyên con mắt và các sắc nên nhãn thức sanh khởi. Do ba cái tụ họp nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ. Do duyên thọ nên có ái. Do duyên ái nên có thủ... Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.” (SN 12.45, Kinh ñātika)

Khi Căn - Cảnh và Thức hội tụ, Xúc (phassa) phát sinh. Do Xúc làm duyên, Thọ (vedanā) sanh khởi. Từ Thọ, nếu không có chánh niệm và trí tuệ quán sát, tâm có thể khởi lên Ái (taṇhā).

Khi Căn – Cảnh – Thức hội tụ, Xúc (phassa) sanh khởi. Do Xúc làm duyên, Thọ (vedanā) sanh khởi. Nếu không có chánh niệm và trí tuệ, từ Thọ có thể phát sanh Ái (taṇhā).

Điểm then chốt của sự tu tập không phải là diệt trừ Thọ, mà là thấy rõ Thọ đúng như thật. Khi Thọ sanh khởi, hành giả có chánh niệm và trí tuệ, quán sát thấy rõ bản chất của Thọ là vô thường, khổ, vô ngã, nên không sanh Ái. Khi Ái không sanh thì Thủ không sanh. Khi tu tập được viên mãn, Ái được đoạn tận hoàn toàn thì Thủ được đoạn tận; từ đó, tiến trình Duyên khởi dẫn đến sanh tử luân hồi được chấm dứt.

E. Sự Tu Tập Đối Với Thập Nhị Xứ:

Thập Nhị Xứ này là một trong những đề mục thuộc Pháp quán niệm xứ trong Kinh Tứ Niệm Xứ (MN.10) và Kinh Đại Niệm Xứ (DN. 22)

Đức Phật dạy: Hành giả quán sát sáu nội xứ và sáu ngoại xứ, thấy rõ sự sanh khởi và đoạn diệt của chúng, đồng thời nhận biết các kiết sử (saṃyojana) sanh khởi do duyên nội xứ và ngoại xứ; với kiết sử chưa sanh nay sanh khởi, hành giả biết rõ như vậy; và với kiết sử đã sanh nay được đoạn diệt, hành giả biết rõ như vậy; và với kiết sử đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, hành giả biết rõ như vậy.

Quán Thập Nhị xứ thấy rõ Tam Tướng:

Hành giả quán sát sáu nội xứ và sáu ngoại xứ để thấy rõ bản chất Tam tướng: vô thường (anicca), khổ (dukkha) và vô ngã (anattā).

1. Quán tánh vô thường (anicca)

Sáu nội xứ: nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ và sáu ngoại xứ: sắc xứ, thanh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ và pháp xứ đều do duyên sinh, nên luôn biến đổi và hoại diệt, không tồn tại thường hằng. Khi các điều kiện hội đủ thì chúng sinh khởi; khi các điều kiện thay đổi thì chúng biến đổi và hoại diệt. Do quán sát như vậy, hành giả thấy rõ:

“Cái gì có sinh khởi thì cái ấy có biến đổi và hoại diệt; tất cả các pháp hữu vi đều vô thường.”

Từ sự thấy biết trực tiếp về vô thường (anicca), hành giả phát triển tuệ quán, dần dần ly tham, đoạn trừ tham ái và hướng đến giải thoát.

2. Quán tánh khổ (dukkha)

Hành giả quán sát sáu nội xứ và sáu ngoại xứ, thấy rõ như thật bản chất vô thường, chúng sinh khởi và sự hoại diệt theo duyên. Vì nội xứ và ngoại xứ luôn biến đổi, không thể nắm giữ, duy trì hay khiến chúng tồn tại theo ý muốn, nên chúng không thể đem lại sự an ổn và thỏa mãn lâu dài. Do đó, chúng mang bản chất khổ (dukkha), tức bất toại nguyện.

Đức Phật dạy: “Yam aniccam tam dukkham. Cái gì vô thường thì cái ấy là khổ”

Như vậy, khi quán sát sáu nội xứ và sáu ngoại xứ một cách như thật, hành giả không chỉ thấy được tính vô thường, mà còn trực nhận được tính chất khổ của chúng. Từ sự thấy biết này, hành giả dần ly tham, không còn chấp thủ, phát triển tuệ quán và tiến đến giải thoát.

3. Quán tánh vô ngã (anattā):

Hành giả quán sát sáu nội xứ và sáu ngoại xứ, thấy rõ chúng luôn sanh diệt, biến đổi và không thể duy trì theo ý muốn. Do không thể làm chủ hoàn toàn, nên chúng không phải là tự ngã và không thể được xem là “của ta”, “là ta” hay “tự ngã của ta”.

Đối với sáu nội xứ: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý và sáu ngoại xứ: sắc, thanh, khí, vị, xúc, pháp. Ta không thể bảo chúng:

“Hãy tồn tại như thế này, đừng thay đổi; hãy sinh khởi như thế này, đừng hoại diệt.”

Bởi vì chúng luôn sanh khởi, biến đổi và hoại diệt theo các duyên, không thể duy trì theo ý muốn của ta. Dù ta mong muốn hay không mong muốn, chúng vẫn vận hành theo tính chất của chúng.

Đức Phật dạy:

“Cái gì vô thường thì cái ấy là khổ; cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến đổi thì không nên xem là: “**Etam mama**: Cái này là của tôi, **Eso ’ham asmi**: cái này là tôi, **Eso me attā’ti**: cái này là tự ngã của tôi.”

Hành giả quán sát như thật:

“**N’etam mama, n’eso’ham’asmi, na me so attā’ti**. Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải là tự ngã của tôi.”

Khi hành giả quán sát thấu rõ Tam tướng: vô thường, khổ và vô ngã nên buông bỏ chấp thủ đối với sáu nội xứ và sáu ngoại xứ, không còn xem chúng là “của tôi, là tôi, là tự ngã của tôi.” Nhờ không chấp thủ căn và cảnh là “của tôi”, “là tôi”, “là tự ngã của tôi”, hành giả phát triển trí tuệ, đoạn trừ tham ái và hướng đến giải thoát.

III. Kết Luận:

Thập Nhị Xứ gồm sáu nội xứ và sáu ngoại xứ, là những cơ sở và đối tượng của tiến trình nhận thức. Khi Căn tiếp xúc Cảnh, Thức tương ứng sinh khởi; khi Căn, Cảnh và Thức hội tụ thì Xúc phát sinh. Do Xúc làm duyên, Thọ sanh khởi; từ Thọ, nếu không thấy rõ Thọ bằng chánh niệm và trí tuệ thì Ái (taṇhā) sanh khởi; do Ái làm duyên, Thủ (upādāna), Hữu (bhava) sanh khởi và tiếp tục Sinh, Lão, Tử, sầu, bi, khổ, ưu, não phát sanh.

Vì vậy, khi học Thập Nhị Xứ không phải chỉ để hiểu biết về sáu căn và sáu cảnh, mà là để hành giả trực tiếp quán sát tiến trình nhận thức và thấy rõ bản chất của các pháp: Sáu nội xứ và sáu ngoại xứ đều vô thường (anicca), biến

đổi và không bền chắc; vì vô thường nên mang tính chất khổ (dukkha); vì vô thường, khổ và không thể làm chủ theo ý muốn nên là vô ngã (anattā). Khi thấy biết đúng như thật, hành giả nhàm chán (nibbidā), do nhàm chán nên ly tham (virāga), do ly tham nên giải thoát (vimutti).

Đây chính là giá trị thiết thực của việc quán Thập Nhị Xứ trong Pháp quán niệm xứ (Dhammānupassanā). Hành giả từ sự nhận biết rõ sáu nội và sáu ngoại xứ, thấy được các pháp duyên sinh, vô thường, khổ và vô ngã, từ đó không còn tham ái và chấp thủ, hướng đến đoạn tận khổ và giải thoát.